

MỐI QUAN HỆ NHÂN QUẢ TRONG TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO XÂM PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ

NGUYỄN PHƯƠNG THẢO *

Tóm tắt: Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại là một trong những căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền tác giả. Mặc dù đã có các cơ sở lý luận và pháp lý nhưng trên thực tế việc xác định sự tồn tại của mối quan hệ nhân quả là khá khó khăn và chưa được quan tâm đúng mức. Bài viết nghiên cứu về mối quan hệ nhân quả trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền tác giả - nhóm đối tượng tương đối trừu tượng và phức tạp, từ đó xác định ý nghĩa của mối quan hệ nhân quả làm căn cứ đánh giá phạm vi thiệt hại được bồi thường. Bên cạnh đó, một số tranh chấp trong lĩnh vực quyền tác giả được phân tích, bình luận để làm rõ thực tiễn xét xử liên quan đến vấn đề này.

Từ khoá: Bồi thường thiệt hại; quan hệ nhân quả; quyền tác giả; hành vi xâm phạm

Nhận bài: 03/7/2019

Hoàn thành biên tập: 07/10/2020

Duyệt đăng: 09/10/2020

THE CAUSAL RELATIONSHIP IN THE COMPENSATION LIABILITY FOR COPYRIGHT INFRINGEMENT

Abstract: The causal relationship between unlawful acts and damages is one of the grounds that gives rise to the liability to compensate for copyright infringement. Although there are theoretical and legal bases, in fact, the determination of the existence of causality is quite difficult and has not been given adequate attention. The article mentions the causal relationship in liability compensation for infringement of copyright - an abstract and complicated subject - thereby determines the meaning of the causal relationship as a basis for assessing the extent of the damage to be compensated. In addition, a number of disputes in the field of copyright are analyzed and commented to clarify the judicial practice related to this issue.

Keywords: Compensation for damages; causal relationship; copyright; infringement

Received: July 3rd, 2020; Editing completed: Oct 7th, 2020; Accepted for publication: Oct 9th, 2020

1. Bản chất của mối quan hệ nhân quả

Trong triết học, quan hệ nhân quả được hiểu rộng là một quá trình,⁽¹⁾ thể hiện sự chuyển biến, tác động của nguyên nhân vào đối tượng để tạo ra hệ quả. Việc định danh

và ghi nhận về mối quan hệ không phải là sự đột phá của khoa học pháp lý mà thực chất, các học giả đã dựa trên nguyên lý về mối quan hệ phổ biến⁽²⁾ trong triết học. Bất kì sự vật, hiện tượng nào cũng tồn tại, vận động

* Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

E-mail: npthao@hcmulaw.edu.vn

(1). Rudolf Carnap, *Philosophical Foundations of Physics*, New York, Basic books, 1966, tr. 187 - 195.

(2). Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Triết học (Dùng cho nghiên cứu sinh và học viên cao học không thuộc chuyên ngành triết học)*, Tập 3, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 41.

với xu hướng phát triển nối tiếp nhau, hiện tượng này là nguyên nhân dẫn đến hiện tượng khác. Trong phép biện chứng, khái niệm mối liên hệ dùng để chỉ sự quy định, sự tác động và chuyển hoá lẫn nhau giữa các sự vật, hiện tượng hay giữa các mặt, các yếu tố của mỗi sự vật, hiện tượng trong thế giới. Trên cơ sở đó, hệ quả phát sinh dựa trên sự biến đổi, tác động của nguyên nhân. Đó phải là hệ quả tất yếu, mang tính chất đương nhiên, khách quan. Quan hệ nhân quả là một diễn biến trong quá trình thuộc về một khoảng thời gian cụ thể. Do vậy, về thời gian, hành vi được coi là nguyên nhân phải diễn ra trước.⁽³⁾

Trong khoa học pháp lí, có nhiều học thuyết khác nhau liên quan đến sự tồn tại và giá trị của mối quan hệ nhân quả nhưng đều hướng đến việc sàng lọc trong số những nguyên nhân thực tế (factual cause) để chọn lọc những nguyên nhân mang tính pháp lí (legal cause) - là cơ sở để giải quyết các vấn đề về mối quan hệ nhân quả.⁽⁴⁾ Một trong những chế định sử dụng hiệu quả các học thuyết về mối quan hệ nhân quả là chế định về bồi thường thiệt hại (BTTH) ngoài hợp đồng, trong đó hành vi trái pháp luật là một trong những nguyên nhân gây ra thiệt hại (hệ quả). Mối quan hệ nhân quả vừa là căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường đồng thời cũng là cơ sở xác định thiệt hại được bồi

thường (vì thiệt hại xảy ra có thể vì nhiều nguyên nhân khác nhau). Thiệt hại được bồi thường phải là thiệt hại gây ra bởi hành vi trái pháp luật hoặc thuộc trường hợp tài sản gây thiệt hại theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, trong phạm vi bài viết mối quan hệ nhân quả trong trách nhiệm BTTH do hành vi xâm phạm quyền tác giả nên những nội dung dưới đây đề cập đến trường hợp nguyên nhân gây thiệt hại là hành vi trái pháp luật.

Một phương thức thường được sử dụng để xác định mối quan hệ nhân quả là nguyên tắc “but for”: Nếu không có hành vi xâm phạm thì không có thiệt hại. Nhiều học thuyết về mối quan hệ nhân quả đã chỉ ra không phải trường hợp nào cũng có thể dễ dàng xác định đâu là nguyên nhân (hành vi xâm phạm) và thiệt hại gây ra bởi nguyên nhân đó. Chẳng hạn: 1) trường hợp hai hoặc nhiều hành vi xâm phạm nếu tách ra một cách riêng rẽ đều dẫn đến thiệt hại và mỗi hành vi tự thân nó chứa đựng đủ các yếu tố dẫn đến thiệt hại (multiple sufficient causation or causal over-determination) hoặc 2) trường hợp hành vi xâm phạm gây thiệt hại nhưng một thiệt hại tương tự vẫn sẽ xảy ra ngay cả không có hành vi xâm phạm (hypothetical alternative causation).⁽⁵⁾ Mặt khác, cũng tồn tại trường hợp nhiều nguyên nhân cùng tác động gây ra thiệt hại và nguyên nhân nào

(3). Phùng Trung Tập, *BTTH ngoài hợp đồng về tài sản, sức khỏe và tính mạng*, Nxb. Hà Nội, 2009, tr. 73.

(4). Djakhongir Saidov, *The Law of Damages in International Sales - The CISG and International Instruments*, Hart Publishing, 2008, tr. 81.

(5). Nguyễn Thị Thanh Huyền, “Mối quan hệ nhân quả và vấn đề giới hạn trách nhiệm BTTH trong pháp luật thương mại”, *Tạp chí Khoa học pháp lí*, số 04/2018, tr. 26.

cũng “có tính chất quyết định”,⁽⁶⁾ toà án đã quyết định các chủ thể liên quan cùng gánh chịu trách nhiệm tương ứng với phần thiệt hại gây ra (mỗi bên chịu 1/3 trách nhiệm bồi thường).⁽⁷⁾ Do vậy, xác định chính xác sự tồn tại của mối quan hệ nhân quả là điều không dễ dàng.

Thiệt hại là kết quả tất yếu của hành vi nêu trong bản thân hành vi với những điều kiện cụ thể chứa đựng khả năng hiện thực khách quan làm phát sinh nó.⁽⁸⁾ Để áp dụng chế tài BTTH, những thiệt hại mang tính chất ngẫu nhiên, võ đoán, không tiên lượng được, không có mối quan hệ nhân quả với hành vi gây ra thiệt hại không thể được bồi thường.⁽⁹⁾ Hiện nay, trên thế giới có hai quan điểm liên quan đến cách quy định và áp dụng pháp luật đối với mối quan hệ nhân quả trong căn cứ phát sinh trách nhiệm BTTH ngoài hợp đồng. Nhóm quan điểm thứ nhất cho rằng quan hệ nhân quả được hiểu đơn giản, pháp luật chỉ đưa ra định hướng là căn cứ mối quan hệ nhân quả, còn xác định yếu tố này như thế nào do toà án tự xem xét trong từng vụ việc cụ thể.⁽¹⁰⁾ Điều này cũng phần

nào xuất phát từ tính chất trừu tượng của căn cứ này. Ở nhóm quan điểm thứ hai, pháp luật quy định khá chi tiết về mối quan hệ nhân quả để giúp toà án giải quyết nếu có tranh chấp.⁽¹¹⁾ Sự tự do của thẩm phán sẽ bị giới hạn bởi các định hướng mà văn bản đã quy định. Đại diện cho trường phái này là Bộ nguyên tắc châu Âu về BTTH ngoài hợp đồng, toàn bộ Chương 3 gồm 7 điều đã tập trung quy định về mối quan hệ nhân quả.⁽¹²⁾ Trong tranh chấp về nhãn hiệu giữa Burndy Corp. v. Teledyne Indus,⁽¹³⁾ nguyên đơn không chứng minh được toàn bộ thiệt hại gây ra bởi hành vi xâm phạm của bị đơn. Toà án xác định có nhiều lí do, từ thị trường ảnh hưởng đến sự giảm sút về doanh thu, lợi nhuận của chủ sở hữu nhãn hiệu, hành vi trái pháp luật chỉ là một trong các nguyên nhân, do đó không thể yêu cầu bị đơn bồi thường toàn bộ lợi nhuận giảm sút. Pháp luật sở hữu trí tuệ cũng như pháp luật dân sự Việt Nam hiện nay dường như theo hướng thứ nhất, việc xác định sự tồn tại của quan hệ nhân quả phụ thuộc nhiều vào quan điểm của toà án.

Nhìn chung, lí luận về mối quan hệ nhân quả đặt ra yêu cầu chứng minh sự tồn tại của một hay nhiều yếu tố đóng vai trò là nguyên nhân gây ra hệ quả tất yếu. Các học

(6). Lê Minh Hùng (chủ biên), *Sách tình huống Pháp luật hợp đồng và BTTH ngoài hợp đồng*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2019, tr. 540.

(7). Bản án phúc thẩm dân sự số 58/2013/DS-PT ngày 18/3/2013 của Toà án nhân dân tỉnh Long An.

(8). Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và BTTH ngoài hợp đồng*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2013, tr. 456.

(9). Terence P. Ross, “Intellectual Property Law - Damages and Remedies”, *Law Journal Press*, 2005, tr. 10.

(10). Pierre Delvolve, “Hành vi, sự kiện gây thiệt hại và quan hệ nhân quả”, *Hội thảo quốc tế Pháp luật về*

bồi thường nhà nước, Nhà pháp luật Việt – Pháp, Hà Nội, 10 - 11/9/2007, tr. 40.

(11). Đỗ Văn Đại, *Luật BTTH ngoài hợp đồng Việt Nam - Bản án và bình luận bản án*, Tập 1, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2018, tr. 110.

(12). Đỗ Văn Đại, *tlđđ*, tr. 110.

(13). *Burndy Corp. v. Teledyne Indus., Inc.*, 748 F.2d 767, 769, 773 (2d Cir. 1984).

thuyết về mối quan hệ nhân quả được sử dụng trong chế định BTTH ngoài hợp đồng, trong đó có BTTH do xâm phạm quyền tác giả. Hành vi xâm phạm quyền tác giả đóng vai trò là nguyên nhân gây ra thiệt hại cho chủ thể quyền. Mối quan hệ giữa hai yếu tố này là căn cứ phát sinh trách nhiệm BTTH cũng như là cơ sở xác định thiệt hại được bồi thường.

2. Mối quan hệ nhân quả là một trong những căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền tác giả theo pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam

Để phát sinh trách nhiệm bồi thường, giữa hành vi xâm phạm quyền tác giả và thiệt hại thực tế phải có mối quan hệ nhân quả. Lí luận về trách nhiệm bồi thường hướng tới việc bù đắp những thiệt hại do hành vi trái pháp luật gây ra, do đó không thể yêu cầu chủ thể BTTH nếu hành vi của họ không phải là nguyên nhân gây ra thiệt hại đó. Mối quan hệ nhân quả cũng là cơ sở để chấp nhận hay không chấp nhận một thiệt hại cụ thể khi trách nhiệm bồi thường đã phát sinh. Thiệt hại xảy ra phải là kết quả tất yếu của hành vi trái pháp luật, đòi hỏi hành vi trái pháp luật là nguyên nhân trực tiếp và cơ bản dẫn đến thiệt hại. Điều này là rất quan trọng bởi lẽ thiệt hại xảy ra có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, có những nguyên nhân chỉ là phụ và tác động gián tiếp đến hậu quả. Trong nền kinh tế thị trường, sự giảm sút về doanh thu, lợi nhuận của doanh nghiệp trong khoảng thời gian nhất định có thể do tác động của nhiều yếu

tố như các chính sách của Nhà nước (thuế, lãi suất...), chính sách của địa phương, sự thay đổi của hệ thống pháp luật, các quy luật thị trường, nguồn lao động, lạm phát...⁽¹⁴⁾ Đây là một trong những khó khăn trong thực thi chế định BTTH ngoài hợp đồng nói chung và BTTH do xâm phạm quyền tác giả nói riêng bởi ranh giới phân tách các “nguyên nhân” và sự tác động của nó đến thiệt hại xảy ra là quá khó khăn. Chẳng hạn, hành vi sao chép tác phẩm bất hợp pháp của bên vi phạm có chắc chắn là nguyên nhân tất yếu dẫn đến việc giảm sút doanh thu từ việc bán những sản phẩm chứa đựng tác phẩm đó trên thị trường hay không, hay sự giảm sút này còn chịu tác động của nhiều yếu tố khác? Trong một số trường hợp, mối quan hệ nhân quả cũng được xây dựng dựa trên sự suy đoán vì tính chất trừu tượng của quyền tác giả. Đối với các tài sản hữu hình, chứng minh mối quan hệ nhân quả có phần đơn giản và cụ thể hơn.

Thông qua cách quy định về thiệt hại được bồi thường và căn cứ xác định mức bồi thường, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, sửa đổi, bổ sung các năm 2009 và 2019 (sau đây gọi tắt là Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005) khẳng định phải tồn tại quan hệ nhân quả. Trong văn bản này, Điều 204 quy định nguyên tắc xác định thiệt hại được bồi thường

(14). Phan Thị Minh Lý, “Phân tích tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Thừa Thiên Huế”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng*, số 2/2011, tr. 151.

là “*thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ*” gây ra. Khoản 1 Điều 205 Luật này cũng xác định “*trong trường hợp nguyên đơn chứng minh được hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đã gây thiệt hại về vật chất cho mình*” thì có quyền yêu cầu toà án quyết định mức bồi thường, quy định về BTTH tinh thần cũng được ghi nhận tương tự ở khoản 2 Điều 205. Mặt khác, vấn đề BTTH trong Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Thông tư liên tịch số 02/2008/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BVHTT&DL-BKH&CN-BTP ngày 03/4/2008 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết các tranh chấp về quyền SHTT tại toà án nhân dân đã dẫn chiếu đến quy định của Bộ luật Dân sự (sau đây gọi tắt là Thông tư số 02/2008) và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về BTTH ngoài hợp đồng. Theo Bộ luật Dân sự năm 2015 về trách nhiệm BTTH ngoài hợp đồng, mối quan hệ nhân quả là một căn cứ bắt buộc. Hướng dẫn tại Mục 1.3 khoản 1 Phần I Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐND, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại là “*thiệt hại xảy ra phải là kết quả tất yếu của hành vi trái pháp luật và ngược lại hành vi trái pháp luật là nguyên nhân gây ra thiệt hại*”. Mặc dù Nghị quyết này được ban hành nhằm hướng dẫn các quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2005 nhưng trên thực tế chưa bị thay thế bởi văn bản khác, đồng thời trong thực tiễn xét xử, toà án vẫn áp dụng để giải

quyết các vấn đề liên quan đến BTTH ngoài hợp đồng. Tương tự, trong quy định của Luật Thương mại năm 2005 về trách nhiệm BTTH trong hợp đồng, Điều 303 khẳng định một trong những căn cứ phát sinh trách nhiệm là “*hành vi vi phạm hợp đồng là nguyên nhân trực tiếp gây ra thiệt hại*”.

Trong lĩnh vực quyền tác giả, chứng minh sự tồn tại của quyền tác giả được bảo hộ, hành vi xâm phạm quyền tác giả đó và mối liên hệ với thiệt hại xảy ra là điều cần thiết để áp dụng các biện pháp bồi thường.⁽¹⁵⁾ Chủ sở hữu được độc quyền sử dụng và khai thác tài sản trí tuệ cũng như chuyển giao tài sản này cho chủ thể khác để thu lợi hợp pháp trong thời hạn bảo hộ tác phẩm đó.⁽¹⁶⁾ Điều 28 Luật Sở hữu trí tuệ liệt kê từng hành vi cụ thể, trong đó có những hành vi xâm phạm quyền nhân thân của tác giả, có hành vi xâm phạm quyền tài sản và cũng có những trường hợp một hành vi vừa xâm phạm quyền nhân thân và quyền tài sản. Đây là nguyên nhân làm ảnh hưởng đến sự khai thác bình thường tác phẩm, gây ra những tổn thất về vật chất và tinh thần cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả. Trên cơ sở lí luận về mối quan hệ nhân quả và trách nhiệm BTTH, chủ thể nào có hành vi xâm phạm quyền tác giả phải chịu trách nhiệm bồi thường đối với những thiệt hại do mình gây ra.

(15). Arthur R. Miller and Micheal H. Davis, *Intellectual property: Patents, Trademarks and Copyright In a nutsell*, Fourth Edition, Thomson West, 2007, tr. 413.

(16). Điều 27 Luật sở hữu trí tuệ năm 2005.

3. Xác định sự tồn tại mối quan hệ nhân quả trong thực tiễn xét xử các tranh chấp về quyền tác giả

Mặc dù về mặt lí luận và quy định pháp luật, sự tồn tại của mối quan hệ nhân quả giữa hành vi xâm phạm quyền tác giả và thiệt hại là cần thiết, hầu như trong các phán quyết về tranh chấp quyền tác giả hiện nay, toà án ít đề cập mối quan hệ nhân quả, do đó trong nhiều trường hợp, việc xác định thiệt hại cũng như mức thiệt hại được ấn định mà không có cơ sở rõ ràng làm cho bản án thiếu sức thuyết phục. Nhìn chung, việc đánh giá quan hệ nhân quả là phức tạp và toà án thường xem nhẹ vấn đề này.⁽¹⁷⁾ Hầu như khi đã xác định thiệt hại và hành vi xâm phạm, toà án yêu cầu bên vi phạm phải bồi thường bằng đúng doanh thu bị giảm sút, cơ hội kinh doanh mất đi chứ không đi vào phân tích hành vi xâm phạm có phải là nguyên nhân tất yếu của thiệt hại hay không. Những giá trị vật chất về tài sản, thu nhập, lợi nhuận hay cơ hội kinh doanh mà chủ thể bị mất chịu sự quyết định của nhiều yếu tố, nhất là trong nền kinh tế thị trường như vấn đề cạnh tranh, thị trường tiêu thụ, thị hiếu khán giả, xu hướng phát triển văn hoá, nghệ thuật cũng như các chi phí sản xuất, chính sách bán hàng... Rất có thể việc mất thu nhập, lợi nhuận của chủ sở hữu quyền không hoàn toàn do hành vi xâm phạm quyền tác giả.

Trong vụ việc thứ nhất,⁽¹⁸⁾ Toà án nhân

(17). Đỗ Văn Đại, *Luật BTHH ngoài hợp đồng Việt Nam (tập 2)*, Bản án số 194 và 195 (phần bình luận số 17), Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2018, tr. 129.

(18). Bản án số 1549/2010/KDTM-ST ngày 27/9/2010 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định việc xuất bản đĩa nhạc của ông Đăng đã xâm phạm quyền tác giả... Do đó, ông Trọng kiện là có căn cứ pháp luật. Đối với yêu cầu BTHH vật chất số tiền 5.000.000đ theo khoản 1 Điều 204 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, điểm d khoản 1 Điều 17 Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lí nhà nước về sở hữu trí tuệ, xét đây là khoản thu nhập mà người bị thiệt hại thu được từ việc chuyển giao quyền sử dụng đối tượng quyền sở hữu trí tuệ (bằng với khoản tiền mà ông Nguyễn đã bán tác phẩm cho bà Uyên) là có căn cứ chấp nhận. Khoản tiền 5.000.000 đồng được chấp nhận vì đây là “thiệt hại” mà ông Trọng mất đi, nếu ông Đăng sử dụng tác phẩm thì phải trả khoản tiền này cho ông Trọng. Xét trong mối quan hệ nhân quả, hành vi trái pháp luật của ông Đăng dẫn đến ông Trọng không thu được số tiền trên, do vậy, tồn tại (ngầm hiểu) mối quan hệ nhân quả giữa hành vi xâm phạm và thiệt hại, mặc dù trong lập luận của Toà hoàn toàn không đề cập cụ thể yếu tố này. Về yêu cầu BTHH về tinh thần: Xét hành vi xâm phạm của ông Đăng là có nhưng chưa đến mức nghiêm trọng và không phải lỗi cố ý, bản thân ông Trọng cũng không chứng minh được việc ông Đăng sử dụng hai ca khúc do ông sáng tác đã gây ảnh hưởng xấu và làm giảm sút uy tín của ông, do đó việc nguyên đơn yêu cầu bồi thường 10.000.000 đồng cho hai ca khúc là chưa phù hợp, hội đồng xét xử chỉ chấp nhận số tiền 5.000.000 đồng. Ở lập luận này, mối

quan hệ nhân quả giữa hành vi xâm phạm quyền tác giả và số tiền bồi thường (được hiểu tương đương thiệt hại) là không rõ ràng. Toà án xác định “*ông Trọng cũng không chứng minh được việc ông Đăng sử dụng hai ca khúc do ông sáng tác đã gây ảnh hưởng xấu và làm giảm sút uy tín của ông*” và không thể hiện được thiệt hại ở đây là gì nhưng vẫn quyết định mức 5.000.000 đồng là chưa hợp lí, mặc dù ông Đăng có hành vi trái pháp luật.

Trong vụ việc thứ hai,⁽¹⁹⁾ công ti Phượng Tùng đã có hành vi trái pháp luật xâm phạm quyền của công ti Ảnh Vương, tuy nhiên phạm vi xâm phạm thể hiện ở chỗ Phượng Tùng đã chuyển giao bộ phim cho năm đài truyền hình, nhưng chỉ có phần chuyển giao cho Đài Phát thanh – Truyền hình Hậu Giang được tính vào thiệt hại vì hành vi xâm phạm chỉ xét trong thời gian công ti Ảnh Vương có quyền. Trên cơ sở đó, Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định tổng thiệt hại công ti Ảnh Vương yêu cầu chỉ được chấp nhận là 75.248.000 đồng. Ở điểm này, Toà án đã vận dụng mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật gây ra thiệt hại, hay nói cách khác, chỉ những thiệt hại gây ra bởi hành vi xâm phạm mới là thiệt hại được bồi thường.⁽²⁰⁾ Giả sử tồn tại các thiệt hại khác nhưng nằm ngoài thời gian công ti Ảnh Vương có quyền sử dụng bộ phim thì

hành vi của Phượng Tùng không xâm phạm quyền của công ti Ảnh Vương và không có trách nhiệm bồi thường cho công ti này.

Ở vụ việc thứ ba,⁽²¹⁾ ông Lộc là tác giả của tác phẩm “Hình thức thể hiện tranh tết dân gian” kiện công ti Mặt trời mọc về hành vi xâm phạm quyền tác giả. Trong tranh chấp, bị đơn đã sử dụng những hình ảnh tương đồng với một bộ phận trong cụm hình của ông Lộc, tuy nhiên bộ phận này lại có nguồn gốc từ tác phẩm nghệ thuật dân gian. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải bồi thường số tiền 20.000.000 đồng là thiệt hại do xâm phạm quyền tác giả. Toà án nhân dân quận Tân Bình đưa ra nhận định: “*Việc công ti Mặt trời mọc treo các sản phẩm có nguồn gốc từ tác phẩm nghệ thuật dân gian phải tuân thủ các quy định của luật sở hữu trí tuệ và các văn bản hướng dẫn về bảo hộ tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian chứ không có nghĩa vụ pháp lí với ông Lộc*”. Do đó, bị đơn không xâm phạm quyền tác giả của nguyên đơn. Toà án bác yêu cầu bồi thường số tiền 20.000.000 đồng do việc sử dụng hình ảnh trong tác phẩm của ông gây ảnh hưởng đến giá trị của tác phẩm và công việc của nguyên đơn. Đây cũng là ví dụ minh họa cho trường hợp có thể có thiệt hại xảy ra nhưng thiệt hại này không đến từ hành vi xâm phạm quyền tác giả thì yêu cầu bồi thường không được chấp nhận.

Nhìn chung, thực tiễn xét xử không thực sự đề cập một cách rõ ràng đến mối quan hệ

(19). Bản án số 11/2011/KDTM-ST ngày 04/01/2011 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

(20). Nguyễn Phương Thảo, “Bình luận bản án: BTH do xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ”, *Tạp chí Khoa học pháp lí*, số 01/2019, tr. 23.

(21). Bản án số 213/2014/DS-ST ngày 14/8/2014 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

nhân quả là một căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường nhưng đều có ngầm định về sự tồn tại của yếu tố này. Xác định có hay không hành vi xâm phạm quyền tác giả là tương đối rõ ràng, có cơ sở pháp lí. Xác định sự tồn tại của thiệt hại trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ là khá phức tạp nhưng vẫn có các cơ sở lí luận và quy định pháp luật điều chỉnh. Trong khi đó, quy định pháp luật lại không rõ về mối quan hệ nhân quả dẫn đến thực tiễn xét xử khó có thể đưa ra lập luận rõ ràng. Hầu hết các bản án về BTTH trong lĩnh vực quyền tác giả không nhắc đến mối quan hệ nhân quả làm phán quyết thiếu tính thuyết phục, dễ tạo ra sự tùy tiện.

4. Vận dụng mối quan hệ nhân quả làm căn cứ xác định thiệt hại do xâm phạm quyền tác giả

Mối quan hệ nhân quả là một trong những căn cứ phát sinh trách nhiệm BTTH do xâm phạm quyền tác giả. Tuy nhiên, giá trị của mối quan hệ nhân quả còn thể hiện trong việc đánh giá phạm vi thiệt hại và xác định thiệt hại được bồi thường.

- Vận dụng học thuyết về mối quan hệ nhân quả để đánh giá phạm vi thiệt hại được bồi thường

Trong khoa học pháp lí và các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ có đề cập sự tồn tại của mối quan hệ nhân quả với tư cách là căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường. Theo đó, khi tồn tại đủ ba yếu tố: thiệt hại, hành vi trái pháp luật và mối quan hệ nhân quả, trách nhiệm bồi thường phát sinh. Tuy nhiên, giá trị của mối quan hệ nhân quả không chỉ dừng lại ở đó. Mối quan

hệ nhân quả còn đóng vai trò làm căn cứ xác định phạm vi bồi thường. Không phải thiệt hại nào đã xảy ra cũng sẽ được bồi thường. Trên cơ sở này, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi xâm phạm quyền tác giả và thiệt hại cũng trở thành cơ sở để xác định thiệt hại và mức bồi thường cụ thể. Vai trò này mặc dù ít được đề cập dưới góc độ lí thuyết nhưng thực tế hoàn toàn đã được áp dụng.

Chẳng hạn, khi đã chứng minh có sự tồn tại mối quan hệ nhân quả, trách nhiệm bồi thường phát sinh. Vấn đề tiếp theo mà các bên quan tâm là mức bồi thường là bao nhiêu. Để trả lời câu hỏi này phải dựa trên việc chứng minh thiệt hại xảy ra. Chủ thể quyền có thể chứng minh tổn thất về tài sản, thu nhập, lợi nhuận, các chi phí khác... nhưng liệu tất cả những “tổn thất” này có được xác định là thiệt hại hay không phải dựa vào mối quan hệ nhân quả. Sự giám sát về lợi nhuận có thể do yếu tố thị hiếu của người đọc, người nghe đối với tác phẩm đó, mặc dù vẫn có hành vi xâm phạm quyền tác giả nhưng loại thiệt hại này không làm cơ sở để xác định mức bồi thường do không tồn tại mối quan hệ nhân quả. Trong trường hợp này, có lẽ nghĩa vụ (và quyền lợi) chứng minh thuộc về bên có hành vi xâm phạm nếu muốn phủ nhận một thiệt hại nào đó không có mối quan hệ nhân quả với hành vi của mình.

Tháng 6/2019, Quốc hội thông qua Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ, trong đó có quy định về căn cứ xác định mức BTTH do xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Cụ thể, tại khoản 1 Điều 205 bổ sung điểm c: “*Các cách tính giá trị khác của chủ*

thể quyền phù hợp với quy định của pháp luật”. Luật sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ năm 2019 đã có sự bổ sung theo hướng mở rộng hơn. Quy định này cho phép chủ thể quyền có thêm cơ hội để xác định mức bồi thường có lợi nhất cho mình ngoài những cách tính cố định được ghi nhận trong Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009. Điều này tạo sự linh hoạt trong việc lựa chọn mức bồi thường. Đồng thời, đây cũng là quy định thể hiện nguyên tắc tôn trọng sự tự định đoạt của chủ thể quyền. Lúc này, chủ thể quyền cần phải chứng minh “sự phù hợp với quy định của pháp luật” nếu muốn đưa ra một phương pháp xác định mức bồi thường khác so với các cách đã định sẵn. Vận dụng học thuyết về mối quan hệ nhân quả là một cơ sở để xác định tính hợp lý của cách tính mới này: kết quả của giá trị tính được bồi thường là thiệt hại gây ra bởi hành vi xâm phạm quyền tác giả.

Tiếp theo, liên quan đến các thiệt hại về tinh thần, pháp luật sở hữu trí tuệ hiện hành chỉ cho phép BTTH về tinh thần trong một số trường hợp và với một số chủ thể nhất định. Điểm b khoản 1 Điều 204 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 ghi nhận một cách gián tiếp các chủ thể được BTTH tinh thần do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bao gồm tác giả của tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; người biểu diễn; tác giả của sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn và giống cây trồng. Như vậy, không phải chủ thể quyền sở hữu trí tuệ nào cũng có thể yêu cầu đòi BTTH tinh thần

khi có hành vi xâm phạm xảy ra. Mục B.I.1.8. Thông tư số 02/2008 hướng dẫn thiệt hại tinh thần phát sinh là do quyền nhân thân của tác giả tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; người biểu diễn, tác giả của sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí bị xâm phạm, tác giả bị tổn hại về danh dự, nhân phẩm, bị giảm sút hoặc mất đi sự tín nhiệm (uy tín), danh tiếng, lòng tin vì bị hiểu nhầm... và cần phải được BTTH về tinh thần. Do đó, trong trường hợp chính tác giả là người bị xâm phạm quyền nhưng đối tượng bị xâm phạm không là các quyền nhân thân thì không thể yêu cầu BTTH tinh thần. Trong một tranh chấp về quyền tác giả, bị đơn có hành vi xâm phạm quyền tác giả của nguyên đơn nhưng bản chất hành vi xâm phạm quyền tài sản chứ không ảnh hưởng đến các quyền nhân thân nên yêu cầu BTTH về tinh thần của tác giả không được toà án chấp nhận.⁽²²⁾

Trong trường hợp này, liệu rằng khi chủ thể quyền chứng minh tổn hại về danh dự, nhân phẩm, bị giảm sút hoặc mất đi sự tín nhiệm (uy tín), danh tiếng, lòng tin vì bị hiểu nhầm... do hành vi xâm phạm quyền tài sản thuộc quyền tác giả thì có nên được bồi thường hay không? Học thuyết về mối quan hệ nhân quả cho thấy nếu chủ thể quyền chứng minh được những tổn thất mình phải chịu xuất phát từ hành vi trái pháp luật thì hoàn toàn có thể yêu cầu bồi thường. Trên thế giới, một số quốc gia đã có những quy

(22). Bản án số 25/DSST ngày 26/8/2003 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

định cho phép BTTH về tinh thần khi tài sản bị xâm phạm, trong khi đó Bộ luật Dân sự năm 2015 không có quy định về vấn đề này. Dưới góc độ thực tiễn, trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp đã có trường hợp chấp nhận loại thiệt hại tinh thần trong trường hợp này. Trong tranh chấp về quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế và kiểu dáng công nghiệp, một trong những yêu cầu của công ti Thành Đồng (nguyên đơn) là bồi thường 60 triệu đồng do thiệt hại về “uy tín, hình ảnh, danh tiếng của doanh nghiệp”. Toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu BTTH tinh thần ở mức 40 triệu đồng. Toà án cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định trên và làm rõ thiệt hại này do “*danh tiếng và hình ảnh của công ti bị giảm sút*”.⁽²³⁾ Do đó, không có lí do gì để loại trừ thiệt hại về tinh thần trong trường hợp này, chỉ cần chứng minh thiệt hại và mối quan hệ nhân quả phù hợp.

- Chi phí luật sư hợp lí nên được xem là thiệt hại được bồi thường vì có mối quan hệ nhân quả với hành vi trái pháp luật

Về vấn đề này, trên thế giới tồn tại hai nhóm quan điểm khác nhau và kể cả theo pháp luật Việt Nam cũng có sự khác biệt giữa pháp luật tố tụng dân sự và luật sở hữu trí tuệ. Quan điểm thứ nhất cho rằng bồi thường chi phí luật sư là hoàn toàn xứng đáng bởi lẽ các tranh chấp trong lĩnh vực quyền tác giả nói riêng và quyền sở hữu trí tuệ nói chung mang tính chất phức tạp.⁽²⁴⁾

(23). Bản án số 96/2010/KDTM-PT ngày 03/6/2010 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

(24). Hiroshi Suga, Hitomi Iwase, Yoko Kasai and

Bởi lẽ nếu không có hành vi xâm phạm, tác giả hay chủ sở hữu quyền hoàn toàn không phải chi trả khoản phí này. Dưới góc độ lí luận, chi phí luật sư (hay kể cả những chi phí khác mà chủ thể quyền tác giả phải bỏ ra để tham gia một vụ kiện như chi phí đi lại, ăn ở...) phát sinh khi chủ thể quyền tác giả phát hiện hành vi xâm phạm và muốn bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Trong trường hợp không xảy ra hành vi xâm phạm, chủ thể quyền tất nhiên không có nhu cầu mời luật sư tham gia quá trình tố tụng.

Quan điểm thứ hai cho rằng không cần thiết ghi nhận bồi thường chi phí luật sư, đây được xem là một chi phí tố tụng mà bên nào yêu cầu phải chi trả.⁽²⁵⁾ Cơ sở lập luận của quan điểm này là một khi đương sự đã chủ động quyết định thuê luật sư thì phải tự chi trả chi phí đó. Toà chỉ chấp nhận những khoản chi phí hợp lí, hợp lệ và thật sự cần thiết. Chi phí cho luật sư là khoản tiền phải trả cho luật sư theo thoả thuận của đương sự với luật sư, trong phạm vi quy định của văn phòng luật sư và quy định của pháp luật. Chi phí cho luật sư do người có yêu cầu chịu, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác – đây chính là hướng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì thế, chi phí luật sư không phải là chi phí cần thiết để theo đuổi

Takuya Mima, “Patents, trade marks, copyright and designs in Japan: overview”, *Practical Law Country Q&A 5-501-5659*, [https://uk.practicallaw.thomsonreuters.com/5-501-5659?transitionType=Default&contextData=\(sc.Default\)&firstPage=true&bhcp=1](https://uk.practicallaw.thomsonreuters.com/5-501-5659?transitionType=Default&contextData=(sc.Default)&firstPage=true&bhcp=1), truy cập 09/9/2020.

(25). Đây là hướng giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 168 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

một vụ kiện, từ đó bắt phía vi phạm trong vụ án phải gánh chịu. Ngoài ra, kết quả giải quyết một vụ án do toà án quyết định, không phụ thuộc vào yếu tố có hay không có luật sư. Toà án xem xét và đánh giá hành vi xâm phạm dựa trên lời khai và các chứng cứ thực tế. Có thể nói rằng dù có hay không có luật sư, toà vẫn phải giải quyết vụ việc đúng pháp luật.

Tuy nhiên, pháp luật về sở hữu trí tuệ là lĩnh vực phức tạp, không phải ai cũng có khả năng am hiểu thông suốt. Tâm lý lo ngại khiến chủ thể quyền không tự bảo vệ tốt quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên cần sự giúp đỡ của luật sư. Đồng thời, không thể phủ nhận vai trò của luật sư trong việc thu thập và bảo vệ chứng cứ, điều mà bản thân đương sự khó có thể làm tốt. Do vậy, chi phí luật sư hợp lý phát sinh từ nguyên nhân là hành vi xâm phạm, có mối quan hệ nhân quả với hành vi xâm phạm quyền tác giả nên xứng đáng được bồi thường. Nếu không có hành vi xâm phạm xảy ra, chủ thể quyền không phải mất khoản chi phí này.

Theo pháp luật nhiều quốc gia, chi phí luật sư trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ nói chung cũng là một khoản phải trả và điều này gần như là một thông lệ. Ở Pháp, Đức hay Anh,⁽²⁶⁾ bên thua kiện phải chịu án phí và chi phí luật sư. Đây là hai khoản phí nằm ngoài “thiệt hại”. Tức là khi xác định thiệt hại, toà án vẫn căn cứ vào chứng minh của đương sự về thiệt hại vật chất và tinh thần.

Ngoài ra bên thua kiện phải chịu thêm án phí (như Việt Nam) và phí luật sư của bên thắng kiện. Tuy nhiên, mức độ chấp nhận khoản tiền này là khác nhau (có thể không phải toàn bộ). Theo Điều 505 Luật Quyền tác giả Hoa Kỳ⁽²⁷⁾ về các biện pháp thực thi chống sự xâm phạm, chi phí tố tụng và lệ phí luật sư được ghi nhận: “*Trong bất kì vụ khởi kiện dân sự nào theo Điều luật này, toà án trong phán quyết của mình có thể cho phép thu hồi toàn bộ chi phí bởi hoặc đối với bất kì bên thứ ba nào khác không phải là Hợp chúng quốc Hoa Kỳ hoặc công chức của họ. Ngoại trừ quy định khác tại Điều luật này, toà án cũng có thể quyết định khoản lệ phí luật sư hợp lý đối với bên thắng kiện như là một phần của chi phí tố tụng*”.

Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành quy định về chi phí luật sư hợp lý được bồi thường tại khoản 3 Điều 205, độc lập với thiệt hại quy định tại Điều 204 cũng như phần tính toán thiệt hại vật chất quy định ở khoản 1 Điều 205. Cách quy định này làm người đọc ngầm hiểu rằng đây không được xem là một khoản “thiệt hại” mà như một dạng chi phí tố tụng riêng. Do vậy, căn cứ xác định tính “hợp lý” của loại chi phí này trên thực tế gặp khó khăn. Nếu sử dụng học thuyết về mối quan hệ nhân quả để giải quyết thì toà án có thể vận dụng các nguyên tắc chung về BTTH, xác định thiệt hại và mức bồi thường, tạo ra sự thống nhất trong giải quyết tranh chấp.

(26). Tại Anh và xứ Wales, chi phí pháp lí mà bên có hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu phải chi trả là 80 - 100% chi phí nguyên đơn thực trả.

(27). U.S. Copyright Office, *Copyright Law of the United State*, <https://www.copyright.gov/title17/>, truy cập 08/9/2020.

Tóm lại, sự tồn tại mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại là yếu tố bắt buộc cần có trong căn cứ phát sinh trách nhiệm BTTH do xâm phạm quyền tác giả. Từ bản chất của quan hệ bồi thường, chủ thể quyền được “bù đắp” lại những gì mà hành vi xâm phạm gây ra cho mình, như vậy, chỉ những thiệt hại nào xuất phát từ hành vi trái pháp luật của bên gây thiệt hại mới được bồi thường. Xác định ranh giới “thiệt hại thực tế” và sự giảm đi về thu nhập không phải từ hành vi xâm phạm rất khó khăn, hầu như trong thực tiễn xét xử hiện nay rất ít đề cập sự phân định này./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Arthur R. Miller and Micheal H. Davis, *Intellectual property: Patents, Trademarks and Copyright In a nutsell*, Fourth Edition, Thomson West, 2007.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Triết học (Dùng cho nghiên cứu sinh và học viên cao học không thuộc chuyên ngành triết học)*, Tập 3, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.
3. Djakhongir Saidov, *The Law of Damages in International Sales - The CISG and International Instruments*, Hart Publishing, 2008.
4. Đỗ Văn Đại, *Luật BTTH ngoài hợp đồng Việt Nam - Bản án và bình luận bản án*, Tập 1 và 2, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2018.
5. Hiroshi Suga, Hitomi Iwase, Yoko Kasai and Takuya Mima, “Patents, trade marks, copyright and designs in Japan: overview”, *Practical Law Country Q&A 5-501-5659*, [https://uk.practicallaw.thomsonreuters.com/5-501-5659?transitionType=Default&contextData=\(sc.Default\)&firstPage=true&bhcp=1](https://uk.practicallaw.thomsonreuters.com/5-501-5659?transitionType=Default&contextData=(sc.Default)&firstPage=true&bhcp=1)
6. Lê Minh Hùng (chủ biên), *Sách tình huống Pháp luật hợp đồng và BTTH ngoài hợp đồng*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2019.
7. Nguyễn Thị Thanh Huyền, “Mối quan hệ nhân quả và vấn đề giới hạn trách nhiệm BTTH trong pháp luật thương mại”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 04/2018.
8. Phan Thị Minh Lý, “Phân tích tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Thừa Thiên Huế”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng*, số 2/2011.
9. Pierre Delvolve, “Hành vi, sự kiện gây thiệt hại và quan hệ nhân quả”, *Hội thảo Quốc tế Pháp luật về bồi thường Nhà nước*, Nhà pháp luật Việt - Pháp, Hà Nội, 10-11/9/2007.
10. Rudolf Carnap, *Philosophical Foundations of Physics*, New York, Basic books, 1966.
11. Phùng Trung Tập, *BTTH ngoài hợp đồng về tài sản, sức khỏe và tính mạng*, Nxb. Hà Nội, 2009.
12. Terence P. Ross, “Intellectual Property Law - Damages and Remedies”, *Law Journal Press*, 2005.
13. Nguyễn Phương Thảo, “Bình luận bản án: BTTH do xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 01/2019.
14. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và BTTH ngoài hợp đồng*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2013.